



Đến một bữa, Năm Hiệp trở chứng, kêu vợ :

- Chẳng Lửa à!

Cô vợ tên là Bé Năm nhưng không phiền hà gì cái biệt danh quá cỡ đó, chạy vào, trả đũa:

- Gì đó “thầy”?

Hiệp cũng không chạy danh xung móc lò này, dù gì xưa kia anh chàng đã có một lúc làm thầy giáo.

- Anh không đào củi nữa đâu! Hết chỗ đào rồi.

Từ ngày ở tù cải tạo về đến giờ, Năm Hiệp ở quê vợ, ấp Cái Đôi, xã Long Vĩnh, quận Long Toàn của tỉnh Vĩnh Bình. Một hóc bà tó, thừa dân, ít ruộng, nhiều rừng, nước mặn, muối bầy. Hai vợ chồng tay trắng cùng với hai thằng nhóc con ở đậu với ông bà già vợ. Vợ mua lúa xay gạo bán quanh xóm, có khi chở ra bán ngoài Động Cao, Cồn Cù. Lờn không nhiều, chỉ đủ xây xài nhưng chưa bao giờ lỗ. Chỉ trừ một lần, bán chịu cho anh chàng bán thịt heo ở ngoài. Tưởng tay có máu mặt, ai dè là người, không phải mượn đầu heo nấu cháo mà là mượn nguyên con, mổ thịt đem bán rồi trả tiền sau để kiếm cơm. Gặp thời buổi đói rách, người người quyết chí ăn chay, còn không thì ăn cá, ăn cua, thiếu gì quanh đó, vì vậy anh chàng bán thịt ế suốt, mắc nợ trả không nổi, trốn mất. Cả đám áo rách ôm nhau kêu trời. Bé Năm lò mò ra đó nên cũng ké được một chân làm chủ. Chủ nợ!

Năm Hiệp, gia tài chẳng có gì. Cha mẹ ruột ở Biên Hòa, đã bị dồn về kinh tế mới Xuyên Mộc trong tỉnh

Bà Rịa, không trông cậy được gì. Năm Hiệp chỉ có chút chữ nghĩa và nghề bán sừng, đánh trận. Cộng sản cấm không cho làm những món đó thành ra Năm Hiệp lơ ngơ, chẳng biết làm sao. Bèn đi lung tung làm mướn. Đào ao, cuốc cỏ, lên giồng khoai, phụ dọn rừng...Riết rồi, ở xã hội chủ nghĩa, chủ cũng xơ xác bằng tó nên chủ đành gồng mình làm ăn, còn không thì tới đâu thì tới. Có nghĩa là liều mạng, là thí mạng củi đó!



Năm Hiệp không dám thí mạng củi ngòi “*chờ xem con Tào xoay vắn đến đâu*” vì chờ kiêu này, con Tào hay con gì cũng xoay đến chỗ nhãn răng mà thôi. Bởi vậy, Năm Hiệp phải tự xoay qua nghề đốn củi bán cho lái buôn ở thị xã Trà Vinh chạy ghe xuống mua. Rừng thì rộng nhưng phần nhiều là dừa nước, ráng, lức, chà là, không làm củi được. Những cây lớn làm củi được như Mắm, Giá, Già, Vẹt thì ít quá, mọc chen lẫn rải rác trong những loại kia. Cây bần mọc ven theo mé biển khá nhiều, lái buôn không mua vì gỗ xộp, không đượm lửa nên gần như còn nguyên. Mấy tay thợ mộc có lúc kẹt quá cũng đành bỏ công xẻ gỗ mấy cây lớn để làm quan tài!

Cây ít, tiêu phu bắt đắc dĩ quá đông nên đến phiên Năm Hiệp chỉ còn trơ lại những gốc. Cũng may, đám tiêu đến trước có nhiều tên đau lưng nên chỉ đứng xông chặt lấy phần trên, bỏ lại rất nhiều gốc dài. Năm Hiệp mượn cây búa đèo của ông bà già vợ đi chặt lại những gốc đó. Chặt sát mặt đất. Chặt ngòi. Một thời gian, hết gốc, Hiệp phải xài thêm một đò nghề nữa mới đốn được củi: cây xuống nhỏ! Lại đến những gốc đã chặt mây bữa, rồi lấy xuống đào gốc, đào tới đâu, chặt tới đó, gốc, rễ lấy tuốt, không bỏ cái nào. Đào củi là vậy đó. Có điều, cả nhà chỉ có một cây búa đèo đó, có lẽ do một ông vua Hùng Vương nào đó ban tặng nên quá sức tương tượng, mài cả buổi vẫn trơ ra, không biết bén là gì! Thời buổi mua đình còn phải xin giấy cho phép thì làm sao mua nổi cây búa đốn cây! Vậy mà Năm Hiệp chặt được một thước củi mỗi ngày, chở xuống ra mé sông lớn, xếp vào cự để sẵn chờ ghe buôn vài bữa ghé lấy một lần. Tay chân trầy xước, nổi u nổi nần nhưng lòng vẫn thanh thoi.

Bây giờ, không xong rồi. Củi rễ không còn bao nhiêu nữa. Năm Hiệp nhất định phải tìm một lối thoát.

Cuối cùng, Hiệp quyết định về với ông bà già ruột đang làm rẫy ở kinh tế mới Xuyên Mộc thuộc địa phận Bà Rịa. Hiệp nghĩ đó là vùng đất mới, trông này trông kia chắc sẽ đủ ăn, khỏi phải làm thuê, làm mướn cho ai và may ra, lập được một vườn tiêu hay một vườn điều thì sẽ khá giả hơn. Một buổi chiều, vợ chồng Hiệp và thằng nhóc út, cu Cường, bao bông xuống Kinh Đào để đi ghe vào Đôn Châu, ở tạm nhà Di Tư, chờ xe đò hừng đông hôm sau lên thị xã Trà Vinh. Từ đó, lại xếp hàng mua vé về Xa Cảng Miền Đông, rồi đổi xe về Xuyên Mộc, Bà Rịa. Chẳng Lửa chiều chồng, theo về kinh tế mới Xuyên Mộc với ước vọng lập vườn tiêu, vườn

điều. Thằng nhóc lớn, cu Đông, bà ngoại phụ nuôi từ khi lọt lòng đi không đành, quyết chí ở lại với ông bà ngoại. Ông bà cũng quen tay, quen chân thằng cháu nên nhờ người đem cu Đông qua trốn bên Giồng Bông, cách một gang ruộng rộng. Vợ chồng Năm Hiệp nhắm không xong đành bỏ con lại cho ông bà. Cu Đông trèo lên nhánh cây, thấy xe đồ chạy rồi mới lết tót về nhà. Mừng dữ!

Sau hai ngày ăn đường ngũ tạng, cả đám tới nơi, tả tơi như một đám ăn mày. Đây là một vùng đồi, đất đỏ, rừng cây chập chùng. Xa xa, ngọn núi Mây Tàu lơ mờ, buồn bã. Ngày xưa, nơi này là chiến trường đẫm máu của trận Bình Giả. Không như Trà Vinh, vùng này rất hiếm nước, giếng sâu ít nhất phải 10 thước (được một điều là đất đỏ không bị chà, xập như đất cát quê mình nên đào tới đâu cũng được). Chỉ có một con sông chảy ngang qua đây tên là sông Ray, có lẽ gọi theo thổ âm của người thiểu số Châu Ro quanh đó. Sông này chỉ dài khoảng 150 cây số, bắt nguồn từ vùng núi Xuân Lộc, chảy qua hai quận Long Đất và Xuyên Mộc của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu rồi lạng lờ đổ ra biển bằng cửa Lộc An, phía trên Vũng Tàu một chút. Đây là cửa biển cây cối rậm rạp, không có người ở, ngày xưa tàu Cộng Sản Bắc Việt đã mấy lần chở vũ khí, đạn dược vào chỗ này trong âm mưu thôn tính miền Nam. (Trong khi đó, trên diễn đàn quốc tế, chúng vẫn leo lên *"không bao giờ đưa quân đội và vũ khí vào Nam"*). Ở hạ lưu không biết thế nào chớ ở Xuyên Mộc, sông Ray chẳng khác gì một đường thoát nước: Không bao giờ có nước lớn, nước ròng mà chỉ có nước ròng, tức là suốt đời chỉ chảy một chiều xuống. Mùa nắng, nước trong vắt, cạn lúp xúp, đi bộ qua được. Mùa mưa, nước trên nguồn đổ xuống đục ngầu, chảy như thác, lòng sông rộng ra, không ai dám lội qua. Ngoài ra, điểm đặc biệt nhất của sông Ray ở chặng này là lòng sông chỗ nào cũng đầy những đá nhỏ, đá lớn lổm nhổm. Nhiều tảng đá lớn hơn mặt bàn hoặc có khi bằng cái chòi giữa ruộng. Bởi vậy, tiếng là sông nhưng đừng mong đi xuống trên đó!

Cha mẹ và anh em của Năm Hiệp đã bị lừa về đây bốn năm trước. Nhờ chế độ tập đoàn vừa xập tiệm, họ đã ra công phá rừng để sở hữu được một mớ đất đai, trồng bắp, trồng mì, khoai đậu, lấy lát qua ngày.

Vợ chồng Năm Hiệp được ông bà già cắt cho hơn mẫu đất và cũng trồng trọt mưu sinh như mọi người. Mọi chi tiêu đều lấy từ hoa màu thu hoạch được. Thân phận nông dân ở đâu cũng bấp bênh như vậy. Ở vùng kinh tế mới này, đất cao trồng lúa khó khăn nên gạo trở thành món ăn xa xỉ. Gạo bán theo lon sữa bò, mỗi lon giá 500 đồng. 4 lon tính thành 1 kí lô. Không tính bằng gạ, lít như ở miền Tây.

Gần như quanh năm, ngoài những hôm đặc biệt mới được ăn "cơm trắng", người dân đều phải dùng bữa bằng khoai mì hoặc bắp. Khoai mì thì luộc ăn liền hoặc xắt lát, phơi khô, xay thành bột rồi làm bánh hấp, bánh nướng, đủ kiểu. Bắp thì cũng luộc ăn liền hoặc lấy hạt, phơi khô. Bắp khô có hai cách ăn: Để nguyên hạt, ngâm nước vôi một đêm rồi đem hầm một buổi đến khi hạt bắp hơi mềm, nứt ra, gọi là "bắp bung", hoặc xay bắp khô thành hạt nhỏ, lớn hơn hạt gạo một chút, nấu như nấu xôi, gọi là "bắp hầm". Những món cô truyền này cứ đổi qua đổi lại cho đỡ ngán và ăn với đồ ăn thường xuyên là mắm ruốc. Thịnh thoảng mới mua nổi chút xíu thịt heo ba rọi bằng hai ngón tay.



Năm Hiệp chạy ô mò lại gặp ô mã. Vườn tiêu, vườn điều đâu chưa thấy, chỉ thấy hì hục trời chết kiếm ăn! Mờ trời, vác cuốc lên rẫy, cuốc tới đứng bóng. Cỏ gì quá cỡ, mọc nhanh hơn cây trồng, tức gớm. Đám này cuốc chưa xong, đám kia cỏ đã ngấp nghé cao hơn bắp, mì. Nếu cuốc không kịp thì rẫy bãi coi như bỏ. Bởi vậy, mờ trời Năm Hiệp đã vôi vác cuốc lên rẫy. Đến đứng bóng, về nhà, ăn một mớ bánh bột khoai mì hoặc bắp hầm, bắp bung và ngủ một giấc chùng một tiếng rồi lại trở lên rẫy, cuốc đến chiều tối. Cũng lạ, ở xứ này ai cũng có thói quen ngủ trưa như thế. Có phải nhờ vậy mới đủ sức chịu đựng cuộc sống lầm than này?

Hình như không có cuộc sống nào làm than hơn nữa. Quần quật quanh năm suốt tháng như vậy nhưng Năm Hiệp chỉ có được một cái quần tây và một cái áo sơ mi cũ xem để mặc đi làm hằng ngày. Thật ra, đó là bộ đồ đi xóm nhưng gia tài chỉ có một bộ đó nên phải mặc đi làm. Mỗi buổi trưa về nghỉ, Năm Hiệp giặt cho bớt mồ hôi rồi phơi lên hàng rào để buổi chiều mặc lại. Cứ thế lây lất đến ngày thu hoạch, trích ra một phần khá lớn trong số tiền bán được nhỏ nhoi để mua một bộ đồ khác thay cho bộ cũ vừa mục rách.



Trời cho hoa màu đầy rẫy nhưng giá bán như bèo. Đại lý thu mua quốc doanh ép giá tận cùng, con buôn thì gian lận đong đo. Thành ra, bán cho phía nào cũng chết. Mì, bắp, đậu làm ra hằng tấn nhưng vẫn không có áo mặc, cơm ăn!

Chàng Lửa chuyển này bỏ nghề bán gạo, ra nghề trồng rau. Cô con một, trắng da, dài tóc của ông bà già Năm Cầm, từ nhỏ chưa biết dãi nắng, dầm mưa, vậy mà từ khi làm vợ của chàng trung úy “nguy” Năm Hiệp, cô nàng đã biết đủ đường gian nan. Nuôi chồng ở tù cải tạo sáu năm, nuôi con khôn lớn chờ chồng. Đến khi chồng được thả về, lại chung vai chịu đựng đời nghèo, khinh miệt. Hình ảnh người vợ của kẻ chiến bại bị thương thể đó. Nhưng mãi là thiên tình sử đẹp nhất trần gian.

Lựa một khoảnh đất tương đối bằng phẳng, ít đá, ven một lạch nước, Chàng Lửa dọn đất trồng cải. Đất mới, cải tốt xanh. Từ đó, mỗi buổi trưa, Chàng Lửa gánh cải ra bán chợ, kiếm thêm vài đồng. Từ rẫy, về nhà, đến chợ, con đường đất đỏ nắng bụi, mưa lầy, lên dốc, xuống đồi, xa lắm.

Nhà ông già Lợi ở lô kế bên có miếng đất rẫy, trồng làm hàng ranh là chuối Bom (một loại chuối) và giữa rẫy có một chỗ hoang, nước mạch đọng lại quanh năm, môn ngọt mọc đầy. Loại môn này có cọng và lá như cây bạc hà, ăn vào ngứa miệng chịu không nổi, chỉ để nấu cho heo. Vợ chết từ lâu, già Lợi ở hui hút với cô con gái độc nhất tên Tâm. Cô bé này lớn bộn, thiếu điều lấy chồng được rồi nhưng có tật làm biếng và ăn hàng. Mọi việc giao hết cho ông già, cô bé chỉ quanh quẩn ở nhà nấu mì, hầm bắp và đi chợ ăn bánh! Một bữa, cô bé sáng kiến kêu Chàng Lửa qua bán cho chuối và môn.

Chàng Lửa chung hứng, hỏi:

- Tiền đâu mà mua! Mà bán bao nhiêu?

Tâm nói:

- Bán rồi trả cho em sau. Chuối xanh, 200 đồng 1 buồng. Môn, 1 gánh 1500 đồng, chị cứ cắt, chừng nào gánh không nổi thì thôi!

Từ ngày đó, Chàng Lửa có đồ bán chợ liên tục. Hết cải, tới chuối, môn. Có điều, muốn đồng lời cao hơn, gánh môn trên vai Chàng Lửa phải nặng thêm. Thân cò lặn lội, không ngờ.

Đọc theo hai bên bờ sông Ray, tre gai và cây le (giống như cây trúc) mọc chi chít nên măng có quanh năm. Một số người sống nhờ nghề xăn măng này. Ở những bụi tre rậm rạp quá, vào không được, họ làm một cái câu liêm, cán dài, chọt vào giựt cho đứt cái măng rồi từ từ lòi ra. Một hôm, Năm Hiệp và người cha (ông già Sáu Tri) rủ nhau thử đi đổi nghề. Lăn quần suốt buổi sáng, gai tre cào rách da, hai cha con chẳng thấy một măng nào. Không hiểu bằng cách nào, đám xăn măng chuyên nghiệp lại kiếm được nhiều đến thế! Nghe nói măng mọc dưới đất, chỉ trồi lên một chút, phải quen mắt mới thấy được. Giống như đi bắt giộp, chêm chếp ở rừng lá Long Toàn vậy. Nhắm không xong, cha con trở về. Ngang qua giang rừng, hai cha con thấy một cây lớn, cành lá xum xuê, trái nhỏ từng chùm, giống như nhãn, chín vàng đầy cây. Ông già Sáu Tri ngắm nghĩa một hồi rồi nói:

- Chắc là trái Trường đầy. Thứ này mắc lắm.

Hiệp mừng hóm:

- Vậy thì hên quá. Đem ra chợ đong lon mà bán thì nguyên cây này chắc gấp trăm lần măng!

Cây cao, trèo lên không được, hai cha con bèn hì hục đốn cây đó hết một buổi và hân hoan bút sạch trái, vác về và hời cô Dương, em Năm Hiệp, gánh ngay ra chợ. Vài giờ sau, Dương về, hai đầu thúng trống không. Cả nhà hớn hờ vây quanh. Dương để gánh xuống, nhăn nhó:

- Xém bị chứ! Trái này ngứa miệng, không phải trái Trường. Đồ bỏ hết rồi!

Cả nhà chung hứng. Chắc chim chóc cũng chê nên mới còn nguyên cây. Giấc mơ cơm áo phút chốc tan tành.

Bù lại, nhờ mò mẫm ven sông chuyển này Năm Hiệp mới thấy một ông già đang chài cá. Khác với chài của dân miền Tây, cái chài của ông già đan bằng cước lưới và chân chài dùng chì cuốn và thả thẳng xuống, chớ không câu lên từng chặng làm “túi chài”. Đây là việc hết sức lạ lẫm với Năm Hiệp. Ngoài một vài chỗ ngập

đầu, sông thường sâu tới đầu gối, nước trong vắt nhưng đá nhỏ, đá lớn lôm chôm mà chài được sao? Thì ra, ông già vãi chài trùn luôn những tảng đá rồi nhanh chóng lội xuống nước, ém chân chì sát mặt đất. Đàn cá bất ngờ bị bao vây, chạy lung tung. Con nhanh càng thì đâm vào mắt lưới chài giống như dính vào lưới bện, con nhát gan, trốn vào chân hốc đá thì ông già thụt cây đuổi ra và chụp bằng tay. Gặp chỗ nước sâu huốt đầu, ông già sau khi ém lưới cẩn thận, vạch một chỗ chui vào trong chài và lặn vào hang đá, bắt cá. Ở những nơi sâu như vậy mới có cá lớn. Ở những chỗ cạn chỉ có cá nhỏ, cỡ hai ngón tay. Thành ra đi chài ở đây cũng là đi tằm suốt ngày!

Nhờ sẵn nghề đan lưới, đan chài - học được khi ở tù- Năm Hiệp bắt chước làm một cái chài. Ban đêm, sau khi cơm nước xong, Năm Hiệp chong đèn dầu ngồi đan tới khuya. Miệt mài như vậy suốt mấy tháng mới xong. Đêm chót tra chân chài, Hiệp đập chì lạch cạch suốt đêm. Sáng ra, Thạch Men, ông hàng xóm xéo xéo bên kia con đường, nói:

- Tưởng trúng mảnh vớ được con gì chớ!

Hiệp nghe xót xa. Đói khổ quá nên ý nghĩ hình như chỉ quanh quẩn miếng ăn. Giống như ông già Sáu Tri đêm nào cũng nằm mơ thấy ăn tiệc, nhưng sang hơn người thường vì được cùng bàn với De Gaule, Nixon, Tưởng Giới Thạch! Còn anh chàng Thạch Men này cũng khác người. Con cái lủ khủ, vợ vẫn tiếp tục sanh năm một. Đứa lớn diu đứa bé, neho neho nhóc nhóc, khóc la tối ngày. Cu Lân, đứa lớn nhất, mười mấy tuổi rồi vẫn thò lò mũi xanh, hít ra hít vô nhất định không hi. Hôm coi cải lương ở chợ, tuồng tích éo le, đám đàn bà con gái khóc rầm rức. Cu Lân cũng có trong đám khóc đó nhưng nó khóc hừ hự, nước mắt nước mũi tèm lem, hi mũi vụt lung tung. Mấy bà đang khóc, thấy ghê, dạt hết qua một bên.

Cha mẹ Cu Lân là những người ung dung lạ thường. Mẹ nó, gốc Nùng, mỗi ngày cùng với nó và con Chuồn, em nó, đến rẫy cuốc trồng ọt xẹt một buổi rồi về nhà hát hò nghêu ngao. Cha nó, người Kmer, lòng vòng chài cá, xăn măng, nhà xiêu vách nát không màng mặc dù quanh đây cây rừng, tranh, lá không thiếu. Anh ta chỉ thích nằm lơ mơ hút thuốc mà nhìn lên mái nhà. Trên đó có một khoảng trống hoác vì con gió lốc hai ba tháng trước đã thổi bay mất mấy miếng tranh! Ở giữa nhà là một cái gò mồi lớn như cái má! Vùng đất đỏ này, mồi vô số. Mồi làm hang rồi đùn đất lên thành gò khắp nơi. Nếu là người khác, họ đã tìm chỗ khác, cất chòi, dọn đi. Thạch Men thì từ thủ, đặt nhang đèn trên gò mồi, hương khói mịt mù. Thế đó, nhà Thạch Men vẫn sống an vui, không ước mơ, không thở than.

Kế nhà Thạch Men là nhà bà Phớt. Tên thật của bà là Lót, không hiểu tại sao ai cũng gọi chệch ra như vậy. Bà này góa chồng từ lâu, ở đùm tùm với mấy đứa con, có đứa đã đến tuổi lấy vợ. Hằng ngày, đứa lớn hạ cây, xe gỗ bán cho đám buôn gỗ hoặc đánh xe bò chở mướn này kia. Còn một, hai đứa nhỏ thì phụ với mẹ cuốc cỏ, trồng đậu, trồng mì, giống như mọi gia đình trong vùng này.

Tháng rồi, một ông sồn sồn tên Cả, ở đâu đó trong xóm công nhân đồn điền cao su mới thành lập gần đó, đến mé suối này mướn đất của nhà bà Lót, dựng chòi ở trồng dưa hấu. Quyết ăn thua, ông trồng cả công đất. Đất đòi, nắng đốt, ông Cả tưới suốt ngày vẫn như không, thiệt khổ. Dây dưa hấu bò ra được một gang, óm tong teo như chủ và nằm ì ra chờ chết. Vậy mà ông Cả còn tiếc của, bỏ công làm cở bằng tàu lá chuối, che nắng cho từng cây.

Bà Phớt thì rất hào phóng khi cho mướn không miếng đất. Đã vậy, hằng đêm, bà đều rủ một bà góa khác ở ngoài đầu đường, tên Thư, cùng đến chòi ông Cả để biểu xén điều thuốc, gói trà và nghe ông Cả ngâm thơ. Bà nói, ông ngâm thơ hay lắm. Không biết là thơ gì, chỉ thấy hai bà lụm cụm cầm đèn bảo dò dẫm lên đóc, xuống đò trong bóng đêm, thiệt tội. Nghe người ta xầm xì, "hai bà nuôi con chim cu trong suối, ban ngày bận việc, phải đem đồ cho ăn mỗi đêm", Thạch Men một bữa, tính bơ hỏi:

- Hai bà có nuôi con cu trong suối hả?

Hai bà chửi lách giáp, đồ vô duyên, rồi đi tuốt. Thạch Men lòng ngay, chẳng hiểu tại sao!

Bà Thư có ba đứa con. Đứa út là con trai, Hai đứa lớn là gái, làm đĩ ở Sài Gòn, gặp lúc thời buổi khó khăn ế ẩm, quay về sống tạm với mẹ. Cũng quanh quẩn làm rẫy chờ thời. Trong nhà có một người đàn ông đứng tuổi, đám nhỏ gọi là cậu Nhu. Bà Thư nói với chòm xóm, đây là người em họ của bà, ở ngoài Bắc, bộ đội phục viên, không vợ không con nên chạy vào ở với gia đình chị. Nhờ cái lý lịch tốt, Nhu được bầu làm tập đoàn trưởng của xã. Thật ra chỉ là danh hảo vậy thôi. Đâu có hợp tác, sản xuất, điều hành gì. Tối ngày, cậu Nhu chỉ ở trong nhà, hút thuốc, uống rượu và hát nhạc xung phong!

Đến một hôm, khoảng nửa đêm, con trai bà Phớt chạy đập cửa từng nhà cho hay cậu Nhu tự nhiên nổi khùng bỏ chạy lên rừng Hòa Hương gần đó. Cả xóm vội vã đốt đuốc và kéo vào rừng tìm cậu. Cậu Nhu lúc đó đã đứng đu đưa trên một nhánh cây lớn, đôi mắt thất thần. Cậu rú lên những tiếng thảm thiết:

- Tôi giết nó, tôi giết nó. Đừng bắt tôi, đừng bắt tôi. Tôi sợ quá!

Vài thanh niên khỏe mạnh trèo nhanh lên cây, cột dây vào mình cậu Nhu và đu cậu xuống. Nếu sảy tay, sợi dây sẽ giúp cậu không bị rơi. Cậu Nhu chòi đập lung tung, miệng vẫn la làng, đừng bắt tôi, đừng bắt tôi. Rừng đêm âm u, đèn đuốc chập chờn, cảnh tượng càng thêm rùng rợn.

Cuối cùng, người ta cũng đưa được cậu Nhu xuống đất. Cậu ngồi chài bài, đôi mắt long lên, chẳng khác chó điên. Cậu chấp tay lạy lung tung, vừa lạy vừa đập đầu xuống nền đất đỏ khô cứng và nói lầm nhảm:

- Chính tôi đã bắn nó vì nó cướp người yêu của tôi. Nó phải chết!

Mẹ con bà Thư thấy cậu có vẻ bị điên, sợ quá bèn nhờ mọi người đem cậu về giao cho công an xã giữ gìn. Ai dè, trong đêm đó, cậu tự dung khai với công an rằng ngày xưa, trên đường xâm nhập miền Nam, cậu là sĩ quan trong tiểu đoàn gì đó, yêu thiết tha một cô y tá trong đơn vị. Cô này cũng nói yêu cậu chân thành. Không ngờ, một hôm, cậu bắt gặp cô y tá và một tên sĩ quan khác đang làm tình trong lùm cây giữa rừng. Cậu căm hận, bắn chết cả hai rồi băng rừng, trốn về lại miền Bắc, đào ngũ luôn. Nhờ quen biết nhiều nên cậu đã yên thân suốt thời gian chiến tranh. Đến khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, để khỏi lo lắng hoài, cậu nghĩ cần phải bỏ miền Bắc, vào sống ở miền Nam. Cậu tìm kiếm tin tức và cuối cùng, liên lạc được với một người cùng làng đã di cư vào Nam hồi năm 1954, là bà Thư. Vậy là, cậu Nhu trở thành một người thân trong gia đình bà Thư và cũng là một cán bộ cao cấp trong tập đoàn xã địa phương.

Ban đầu, công an xã tưởng cậu Nhu nổi điên, nói bậy. Đến chừng, cậu Nhu cứ nói hoài, công an đành báo cáo lên trên xin thẩm tra. Té ra là thiệt! Cậu Nhu không điên mà chỉ vì hồn oan về đòi nợ máu. Từ đó, cậu Nhu bị đưa đi mất biệt, không ai để ý đi đâu.

Có điều, trong nơi tạm giam, cậu cũng tự dung khai là đã dùng lời đe dọa đâm chết nếu đi tố cáo để liên tiếp cưỡng hiếp hết ba mẹ con bà Thư từ đó đến giờ! Ba mẹ con tức tưởi xác nhận cậu Nhu nói đúng và đưa cho công an con dao phá rừng, di tích một thời của ông cậu chết tiệt!

Chuyện trên trời, dưới đất không thiếu trên vùng đất khổ này nhưng chẳng có ai để tâm lâu. Miếng com, manh áo làm cho ai cũng lơ ngơ, láo ngáo, chẳng ra cái giống gì! Thịnh thoảng, bình tâm nhìn lại nhau để thấy tức cười không chịu nổi. Lạ thay, cười mà nước mắt cứ rưng rưng!

Nhà Năm Hiệp từ khi có cái miệng chài, đỡ túng thiếu hơn một chút mặc dù vẫn phải ăn mì, ăn bắp thay com. Đêm đêm, Năm Hiệp một mình mò mẫm chài cá theo bờ sông trong tiếng nước chảy róc rách, tiếng côn trùng râm ran, âm u lạnh người. Quanh con sông đá tảng này nổi tiếng nhiều ma vì ngày đó đã loang máu và ngổn ngang thây người trong trận Bình Giả. Miếng com, manh áo đã giúp cho Năm Hiệp trở thành một tên gan lì.

Chẳng Lừa lại có thêm nghề bán cá. Rau, chuối, môn ngựa, cá, cứ thế lầy lắt qua ngày. Có cá, Cu Cường không còn phải ăn thịt chuột, thịt sóc thường xuyên như trước. Không tiền mua thịt, Năm Hiệp nỗ lực đặt bẫy mỗi ngày. Quanh đây không thiếu khi, heo rừng, gà rừng nhưng chỉ bắt được sóc, là những tên khờ nhát.

Chẳng Lừa kho, chiên đủ kiểu cho con ăn không ngán.

Cứ thế, cu Cường lớn dần và bắt đầu đi học. Tiền bánh cho con là cái bắp chuối hay xấp lá chuối. Trên đường đến trường, cu Cường ghé chợ đôi lấy miếng bánh gì đó. Mấy bà hàng rau cần bắp chuối để xắt ra trộn vào rau sống, và lá chuối là để gói hàng.

Rồi bé Tường Vi chào đời. Đất trời đã chịu lòng cầu xin, ban cho vợ chồng Năm Hiệp đứa bé gái này. Tiếng khóc, tiếng cười của Bé đã làm sáng lên cuộc đời khốn cùng tối tăm.

Đến một ngày, nhìn hai đứa con nheo nhóc, tóc tai chờm bươm, bụi đỏ đầy người, hai vợ chồng thủ thi chào thua giấc mộng lập vườn và thu xếp trở về quê cũ. Đành rao bán nhà, bán đất và những thứ lặt vặt, kể cả miệng chài! Chẳng ai thèm mua vì ai cũng tính đông. May sao,

hơn một tháng sau bán được cho một tay mới từ Nghệ An vào đây lập nghiệp. Bán đồ, bán thảo nên chỉ đủ tiền về xe và dư chút đỉnh mua vài bộ đồ!

Vậy là một đám xóc xếch trở về quê cũ Cái Đồi. Sáu năm trời coi như giấc mơ khủng khiếp. Bà con chòm xóm tay bắt, mặt mừng. Cứ như mới thoát chết trở về! Ăn nhờ ở đậu với ông bà già vợ vài ba tháng, vợ chồng Năm Hiệp lại ra riêng. Bà con, chòm xóm xúm nhau giúp dựng lại căn nhà lá nhỏ. Hiệp mở nghề sửa xe đạp sau khi đi qua Đôn Châu học lóm vài bữa. Chẳng Lừa trở lại nghề cũ, mua lúa đem chà gạo bán loanh quanh hoặc bán cho mỗi mang. Cũng may lúc đó xe đạp Xã Hội Chủ Nghĩa toàn là đồ dờm, hư liên liền và gạo thóc,



mới mang tranh nhau thu mua chở lậu về Sài Gòn, bán không kịp. Nhờ vậy, vợ chồng nhà Năm Hiệp không đến nỗi đói rách như lúc mới trở về. Dần dà về sau, Chàng Lửa mở thêm nghề bán bánh trái, dầu lửa, tạp lục trong nhà, Năm Hiệp theo một người bạn trong xóm, xoay qua nghề xe ôm. Rồi từ nghề xe ôm, Năm Hiệp gặp một người khách chỉ cho nghề nuôi cua, một nghề không ai trong xóm bấy giờ tin là có thật! Rồi vợ chồng Năm Hiệp đỡ khổ hơn chút nữa. Bà con trong ấp Cái Đồi cũng từ đó đỡ nghèo hơn chút nữa nhờ nghề nuôi cua.

Thì ra, không như Xuyên Mộc, cuộc sống ở Cái Đồi thật dễ dàng mặc dù không dư dả gì nhiều. Chỉ cần ra ngoài sông, ngoài mương lặn hụp một lát là có đủ cá tép ăn uống phủ phê. Chỉ cần đi đào hang bắt cua hoặc cắm cần câu cua một buổi là có đủ tiền mua trà lá lật vặt hằng ngày. Chỉ cần gieo mạ, cấy và i công lúa là có đủ gạo thóc trong nhà. Dễ dàng như vậy đó mà ngày nọ Năm Hiệp đã không thấy. Chỉ thấy vườn tiêu, vườn điều của miền đất đỏ xa xôi để xem chút nữa vợ chồng con cái nhà hắn tiêu điều luôn.

Vậy là, cóc chết ba năm quay đầu về núi, Năm Hiệp đi sáu năm mang đầu máu trở lại Cái Đồi. Trở lại để thấy thắm thía tình xóm chòm thân thương quá, cuộc sống êm đềm quá. Đứng rồi, Cái Đồi, chỉ có nơi đó suốt đời Năm Hiệp không bao giờ quên. Thương lắm ○

Phạm Chinh Đông